

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 34 /VTQ

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

Mã chứng khoán: **VTQ**

Trụ sở chính: Tổ dân phố 3, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Điện thoại: 0232 3796 003

Fax: 0232 3976060

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hải Thanh**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình công bố thông tin Báo cáo tài chính tự lập Quý II năm 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình tại đường dẫn:

<http://www.viettrungqb.com.vn/index.php/vi/cổ-đông/công-bố-thông-tin1/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hải Thanh

Số: **132** /VTQ

Quảng Trị, ngày 19 tháng 7 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý II/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình

- Mã chứng khoán: VTQ
- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0232.3796003
- Email: viettrung.qb@gmail.com Website: www.viettrungqb.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý II/2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: www.viettrungqb.com.vn/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý II/2025;
- Văn bản giải trình.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

A handwritten signature in blue ink is written over a red circular stamp. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 3109/G-1993-C.T.C.P", "CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG", "QUẢNG BÌNH", and "X. NAM TRẠCH - T. QUANG BÌNH".

Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo tài chính tổng hợp	
- Bảng cân đối kế toán	4-6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 24



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Quý 02/2025

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19/11/2021 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp;. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Thành
Ông Phạm Xuân Thành
Ông Dương Chí Bình
Ông Nguyễn Hải Thanh
Ông Phan Hữu Bằng
Ông Lê Vũ Thành
Bà Nguyễn Thị Hải

Chức vụ

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình
Ông Phạm Xuân Thành
Ông Nguyễn Hải Thanh

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm các vị như sau:

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương
Ông Trần Duy Hà
Bà Nguyễn Thị Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 2/2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Bình, ngày 19 tháng 7 năm 2025

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025)

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.835.671.892	35.371.642.036
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.357.084.508	6.286.019.414
1. Tiền	111	V.01	10.357.084.508	6.286.019.414
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.658.125.594	15.423.271.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	12.994.450.204	14.951.881.292
2. Trả trước cho người bán	132		5.684.965.834	479.013.714
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	7.592.783.012	11.741.148.278
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	-11.614.073.456	-11.748.771.596
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	16.793.285.970	13.607.704.162
1. Hàng tồn kho	141		16.822.805.192	13.637.223.384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-29.519.222	-29.519.222
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.175.820	54.646.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.b	27.175.820	54.646.772
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.798.674.298	162.567.932.740
II. Tài sản cố định	220		113.188.166.608	117.445.332.533
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	113.188.166.608	117.445.332.533
- Nguyên giá	222		247.197.896.092	247.197.896.092
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-134.009.729.484	-129.752.563.559
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240		32.383.811.479	25.315.470.616
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	32.383.811.479	25.315.470.616
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	21.452.400.841	18.998.319.496
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		81.840.000.000	81.840.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-61.387.599.159	-63.841.680.504
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	774.295.370	808.810.095
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		774.295.370	808.810.095
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		209.634.346.190	197.939.574.776

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

C. NỢ PHẢI TRẢ	300		84.660.329.767	70.424.224.137
I. Nợ ngắn hạn	310		80.319.040.767	69.938.283.137
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	17.411.223.836	14.643.156.432
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	334.954.110	237.278.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.a	1.170.464.890	405.339.868
4. Phải trả người lao động	314		3.996.404.932	8.037.497.235
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.a	497.173.958	149.640.115
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		60.957.267	161.223.103
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.a	6.260.565.222	2.889.306.766
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.a	46.943.684.495	39.227.945.611
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.643.612.057	4.186.895.607
II. Nợ dài hạn	330		4.341.289.000	485.941.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15.b	292.000.000	292.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.b	4.049.289.000	193.941.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.974.016.423	127.515.350.639
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.a	124.294.016.423	126.835.350.639
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-53.975.364.342	-51.434.030.126
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-51.434.030.126	-55.401.699.363
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-2.541.334.216	3.967.669.237
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		209.634.346.190	197.939.574.776

LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Hữu Bằng

Quảng Bình, ngày 19 tháng 07 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT




Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Từ ngày 01/01/2025-30/06/2025)

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	TOÀN CÔNG TY			
			Quý 02/2025	Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1	16.355.574.949	19.235.613.696	26.023.933.419	34.941.466.107
2. Các khoản giảm trừ	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		16.355.574.949	19.235.613.696	26.023.933.419	34.941.466.107
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.857.613.882	14.633.576.451	24.289.429.542	29.641.573.135
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.497.961.067	4.602.037.245	1.734.503.877	5.299.892.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.487.787.633	28.725.364	2.489.542.601	29.250.306
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.003.638.819	8.128.664.684	1.653.910.453	8.923.281.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.003.638.819	1.151.261.983	1.653.910.453	1.945.878.723
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5.b	0	23.116.000	5.000.000	146.936.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5.a	2.450.970.131	2.223.659.622	5.186.045.942	5.224.552.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		1.531.139.750	-5.744.677.697	-2.620.909.917	-8.965.626.629
11. Thu nhập khác	31	VI.6	89.948.420	514.235.774	90.429.992	678.588.774
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.854.291	10.136.686	10.854.291	19.607.827
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		84.094.129	504.099.088	79.575.701	658.980.947
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.615.233.879	-5.240.578.609	-2.541.334.216	-8.306.645.682
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		0	0	0	0

LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Hữu Bằng

Quảng Bình, ngày 30 tháng 07 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

(Từ ngày 01/01/2025-30/06/2025)

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.416.747.777	35.829.161.317
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-32.289.780.637	-8.276.170.172
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-4.022.339.478	-4.495.562.943
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-1.631.663.810	-1.960.378.937
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-284.003.166	-647.730.537
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60.070.926.434	19.188.835.572
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-24.114.885.728	-10.881.787.023
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.145.001.392	28.756.367.277
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.578.866.513	2.315.465.228
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-30.652.802.811	-29.168.818.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-21.073.936.298	-26.853.353.177
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.071.065.094	1.903.014.100
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.286.019.414	3.736.799.649
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		10.357.084.508	5.639.813.749

LẬP BIỂU



Phan Hữu Bằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Hữu Bằng

Quảng Bình, ngày 19 tháng 7 năm 2025

CHỖ TỊCH HỢQT



 Phan Văn Thành

Quý 2 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung được cổ phần hóa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 19/11/2021. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 170.817.910.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, tám trăm mười bảy triệu, chín trăm mười nghìn đồng. chẵn).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su;
- Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm;

Tổng số cán bộ công nhân viên tại Ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 529 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 525 người).

Báo cáo tài chính này được tổng hợp số liệu từ văn phòng Công ty và 01 chi nhánh phụ thuộc.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ dân phố 3, Xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Đơn vị	Tỷ lệ kiểm soát		Tỷ lệ sở hữu		Hoạt động chính	Địa chỉ
Hạch toán phụ thuộc						
Chi nhánh gỗ Phú Quý					Chế biến gỗ	Phường Đồng Thuận, Quảng Trị
Công ty liên doanh liên kết						
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình	27,28%		27,28%		Chăn nuôi bò	Xã Nam Trạch, Quảng Trị

Quý 2 năm 2025

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

III. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo này được lập cho tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho mục đích công bố thông tin.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính quý 2/2025 kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý II/2025 vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Quý 2 năm 2025

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Quý 2 năm 2025

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 40 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

Quý 2 năm 2025

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;

Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính kết thúc. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng;
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi;
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Quý 2 năm 2025

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 5% đối với thành phẩm mủ cao su; 8%, 10% đối với sản phẩm về gỗ và các dịch vụ có khác có liên quan.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quý 2 năm 2025

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
- Tiền mặt	5.227.089.269	1.285.581.376
- Tiền gửi ngân hàng	5.129.995.239	5.000.438.038
Cộng	10.357.084.508	6.286.019.414

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
- Trái phiếu (dài hạn)	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn: 10 năm, lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 1,3%/năm. Ngày phát hành: 30/10/2023. Ngày đáo hạn 30/10/2033.

5.3 Phải thu khách hàng

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.994.450.204	14.951.881.292
- Công ty TNHH IFC	487.239.695	862.088.406
- Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần	934.482.317	0
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Trường Sinh	495.641.904	0
- Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Song Thành	340.500.721	0
- Công ty CP HD Furniture Group	0	1.053.983.680
- Cty TNHH Tân Minh	71.540.201	121.750.201
- Công ty cổ phần Tamico	9.442.985.568	9.442.985.568
- Công ty TNHH Tiến Phong Cam Lộ	0	1.651.595.083
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.222.059.798	1.819.478.354

5.4 Phải thu khác

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	7.592.783.012	11.741.148.278
- Tạm ứng	5.203.929.235	8.133.692.961
- Phải thu khác.	2.388.853.777	3.607.455.317

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2025

5.5 Nợ xấu

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.923.694.366	117.191.139	9.806.503.227	9.962.568.366	71.501.898	9.891.066.468
Công ty Cổ phần Tamico	9.442.985.568	0	9.442.985.568	9.442.985.568	0	9.442.985.568
CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TUỆ LÂM			0	104.971.000		104.971.000
UBND xã Vạn Trạch	60.500.000		60.500.000	60.500.000		60.500.000
Công ty TNHH Quốc tế Cao Nguyên	115.015.000		115.015.000	115.015.000		115.015.000
Đối tượng khác	305.193.798	117.191.139	188.002.659	239.096.798	71.501.898	167.594.900
Phải thu ngắn hạn khác	1.807.570.229	0	1.807.570.229	1.857.705.128	0	1.857.705.128
Nguyễn Thị Phương	65.969.581	0	65.969.581	65.969.581	0	65.969.581
Phan Thị Vân	60.877.129	0	60.877.129	60.877.129	0	60.877.129
Đối tượng khác	1.680.723.519		1.680.723.519	1.730.858.418		1.730.858.418
Cộng	11.731.264.595	117.191.139	11.614.073.456	11.820.273.494	71.501.898	11.748.771.596

5.6 Hàng tồn kho

Chi tiêu	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.157.704.869		944.651.325	
- Công cụ, dụng cụ	115.693.517		137.939.490	
- Chi phí SX, KD dở dang	10.074.006.885		11.253.831.115	
- Thành phẩm	5.455.526.589	29.519.222	1.280.928.122	29.519.222
- Hàng hóa	19.873.332		19.873.332	
Cộng	16.822.805.192	29.519.222	13.637.223.384	29.519.222

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
Số dư đầu năm	106.018.104.222	22.228.744.437	5.622.844.560	1.766.288.691	108.811.516.157	2.750.398.025	247.197.896.092
- Mua trong năm							0
- Đầu tư XDCB hoàn thành							0
- Thanh lý, nhượng bán							0
Số dư cuối năm	106.018.104.222	22.228.744.437	5.622.844.560	1.766.288.691	108.811.516.157	2.750.398.025	247.197.896.092
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	77.926.456.309	17.986.484.327	5.156.381.919	1.691.051.574	26.006.792.420	985.397.010	129.752.563.559
- Khấu hao trong năm	985.556.098	416.042.424	44.497.158	10.222.059	2.722.179.216	78.668.970	4.257.165.925
- Thanh lý, nhượng bán					0		0
Số dư cuối năm	78.912.012.407	18.402.526.751	5.200.879.077	1.701.273.633	28.728.971.636	1.064.065.980	134.009.729.484
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình							
- Tại ngày đầu năm	28.091.647.913	4.242.260.110	466.462.641	75.237.117	82.804.723.737	1.765.001.015	117.445.332.533
- Tại ngày cuối năm	27.106.091.815	3.826.217.686	421.965.483	65.015.058	80.082.544.521	1.686.332.045	113.188.166.608

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Quý 2 năm 2025

5.8 Tài sản dờ đang dài hạn

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
Cao su trồng năm 2015	195.449.086	195.449.086
Cao su trồng năm 2016	1.606.200.738	1.606.200.738
Cao su trồng năm 2018	7.049.422.245	6.626.997.645
Cao su trồng năm 2022	10.111.085.509	9.410.233.434
Cao su trồng năm 2023	3.114.628.396	2.756.645.376
Cao su trồng năm 2024	2.063.011.074	446.608.884
Cây xoài keo trồng năm 2021	1.670.935.777	1.670.935.777
Cây xoài keo trồng năm 2023	659.187.494	657.031.494
Keo trầm trồng năm 2023	1.079.272.917	1.079.272.917
Keo trầm trồng năm 2025	695.698.520	
Dự án nhà máy chế biến mù - Nhà xưởng, Mái xà gỗ, Nhà đặt máy bơm, hệ thống điện	2.197.144.056	
Dự án nhà máy chế biến mù - Lắp đặt thiết bị và Hệ thống PCCC Linh hoàn	764.267.593	
Chi phí XDCC khác	1.177.508.074	866.095.265
Cộng	32.383.811.479	25.315.470.616

5.9 Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2025 và 31/3/2024 tỷ lệ sở hữu của Công ty là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát là 27,28%.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số tiền là 61.387.599.159 đồng.

5.10 Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		
b) Dài hạn	774.295.370	808.810.095
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).	774.295.370	808.810.095
Cộng	774.295.370	808.810.095

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

5.11 Phải trả người bán

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	17.411.223.836	14.643.156.432
- Công ty Hiệp Nghĩa	634.497.030	634.497.030
- Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Đức Thịnh		410.700.000
- CN Công ty CP Sông Gianh - Xí nghiệp phân bón Sông Gianh	1.740.750.000	2.000.000.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu nông sản T9	723.875.000	723.875.000
- Cty TNHH DVVT Tiến Đạt	150.113.255	150.113.255
- Đặng Hồng Ninh	0	8.912.414.038
- Hoàng Thị Vân	7.523.303.740	
- Cty TNHH TM Hưng Phát Thành	879.489.200	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân DV Đức Thành Lợi	1.528.844.180	
- Công ty TNHH đầu tư thương mại và xây dựng Tân Phong Việt	593.352.000	
- CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI HÒA PHÁT QUẢNG BÌNH	2.399.760.000	
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.237.239.431	1.811.557.109

5.12 Người mua trả tiền trước

	30/06/2025	01/01/2025
- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHẤT TÀI LỘC	108.970.500	108.970.500
- Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Trường Sinh	109.000.000	109.000.000
- Người mua khác	116.983.610	400.000
Cộng	334.954.110	218.370.500

5.13 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2025	Số phải nộp trong quý	Số đã nộp/bù trừ trong quý	30/06/2025
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	405.339.868	1.422.425.402	1.658.517.251	169.248.019
- Thuế tài nguyên		123.164.807	123.164.807	0
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		997.002.906		997.002.906
- Thuế thu nhập cá nhân				0
- Các khoản phí, lệ phí và khoản phải nộp khác		8.213.965	4.000.000	4.213.965
Cộng	405.339.868	2.542.593.115	1.785.682.058	1.170.464.890
b) Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Các khoản phí, lệ phí và khoản phải nộp khác				0
- Thuế thu nhập cá nhân	54.646.772	77.407.272	49.936.320	27.175.820
Cộng	54.646.772	77.407.272	49.936.320	27.175.820

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Quý 2 năm 2025

5.14 Chi phí phải trả

Chi tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	497.173.958	149.640.115
- Các khoản trích trước khác	497.173.958	149.640.115

5.15 Phải trả khác

Chi tiêu	30/06/2025	01/01/2025
a) Ngắn hạn	6.260.565.222	2.889.306.766
- Kinh phí công đoàn	852.140.703	846.029.167
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.398.424.519	2.033.277.599
b) Dài hạn	292.000.000	292.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	292.000.000	292.000.000
Cộng	292.000.000	292.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

a. Gốc vay ngắn hạn

	01/01/2025	Giảm	Tăng	30/06/2025
Vay ngắn hạn	39.227.945.611	31.787.802.811	39.503.541.695	46.943.684.495
Ngân hàng TMCP Công thương VN Quảng Bình	23.520.548.751	17.679.097.360	21.188.139.487	27.029.590.878
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN Quảng Bình	10.272.396.860	8.673.705.451	14.015.402.208	15.614.093.617
Vay cá nhân	5.435.000.000	5.435.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000

- (i) Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức Số: 862009731166/2024-HĐCVHM/NHCT470- VIETTRUNG ngày 18 tháng 07 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình, tổng mức dư nợ tại mọi thời điểm không quá 27.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ 06/07/2023 đến 06/07/2024, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây cao su, trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/525381/HĐTD ký ngày 27/12/2024 giữa Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình, tổng dư nợ vay tối đa theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 16.500.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay và lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị và trụ sở nhà xưởng tính chế gỗ phủ quý.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 8,52%/năm đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

b. Gốc vay dài hạn

	01/01/2025	Giảm	Tăng	30/06/2025
Ngân hàng TMCP Công thương VN Quảng Bình	193.941.000	120.000.000	3.975.348.000	4.049.289.000
	193.941.000			4.049.289.000

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay dài hạn.

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay: đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là trụ sở công ty, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đội Sao Vàng, Đoàn Kết, Chiến Thắng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn ân hạn không, lãi suất thả nổi, tại thời điểm giải ngân là 9,55%, mục đích vay: đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo thỏa thuận được ký kết.
- (c) Hợp Đồng Cho Vay Dự Án Đầu Tư Số: 804007156532/2025-HĐCVD/NHCT470- VIETTRUNG ngày 28 tháng 05 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2025

5.17 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	LNST chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	-51.434.030.126	126.835.350.639
- Lỗ trong năm nay			-2.541.334.216	-2.541.334.216
- Tăng khác				0
- Giảm vốn trong năm nay				0
Số dư cuối năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	-53.975.364.342	124.294.016.423

b) Cổ phiếu

Chỉ tiêu	30/06/2025	01/01/2025
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.081.791	17.081.791
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
+ Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
+ Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Số lượng cổ phiếu được lấy theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
a. Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	26.023.933.419	34.941.466.107
Cộng	26.023.933.419	34.941.466.107

6.2 Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.289.429.542	29.641.573.135
Cộng	24.289.429.542	29.641.573.135

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.461.256	29.250.306
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.454.081.345	
Cộng	2.489.542.601	29.250.306

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Quý 2 năm 2025

6.4 Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Lãi tiền vay	1.653.910.453	1.945.878.723
- Chi phí tài chính khác		6.977.402.701
Cộng	1.653.910.453	8.923.281.424

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	5.186.045.942	5.224.552.483
- Các khoản chi phí QLDN khác.	5.186.045.942	5.224.552.483
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	5.000.000	146.936.000
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	5.000.000	146.936.000

6.6 Thu nhập khác

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Các khoản khác.	90.429.992	678.588.774
Cộng	90.429.992	678.588.774

6.7 Chi phí khác

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Các khoản khác.	10.854.291	19.607.827
Cộng	10.854.291	19.607.827

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.312.204.164	7.045.984.997
- Chi phí nhân công	8.644.070.177	19.320.153.068
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.342.192.034	3.143.749.971
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.372.573.839	2.692.364.850
- Chi phí khác bằng tiền	1.935.250.016	2.810.808.732
Cộng	24.606.290.230	35.013.061.618

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán

Quảng Bình, ngày 19 tháng 7 năm 2025

LẬP DIỆU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT

Phan Hữu Bằng

Phan Hữu Bằng

Phan Văn Thành